TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2026/DS-ST
Ngày 23-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Lụa
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Tấn Lộc
Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích N – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng C, sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 096195006112, cấp ngày 16/9/2021 (có mặt).

Địa chỉ: Tầng B, số A N, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Hồng Thảo D, sinh năm 1989. Căn cước công dân số: 096189018302, cấp ngày 07/8/2023 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Hồng Thảo D có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng V1) cụ thể: Hợp đồng cho vay số: LD2327100567 ngày 28/09/2023, hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, số tiền: 50.200.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay 60 tháng (Từ ngày 28/09/2023 đến ngày 05/09/2028). Lãi suất giải ngân: 22%/năm được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Hồng Thảo D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V1 nên toàn bộ khoản vay đã

chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Bà Hồng Thảo D đã thanh toán được số tiền: 6.483.579 đồng, trong đó nợ gốc là: 3.605.474 đồng, nợ lãi là: 2.878.105 đồng. Thời điểm quá hạn thanh toán vào ngày 05/11/2023, tổng dư nợ tạm tính đến ngày 23/03/2026 là 78.696.945 đồng, trong đó nợ gốc: 46.594.526 đồng, nợ lãi 32.102.419 đồng (lãi trong hạn: 21.401.613 đồng; lãi quá hạn: 10.700.806 đồng). Từ khi quá hạn thì Ngân hàng V1 đã liên hệ để yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng V1 nhưng bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng V1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Hồng Thảo D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/03/2026 là 78.696.945 đồng, trong đó nợ gốc: 46.594.526 đồng, nợ lãi 32.102.419 đồng (lãi trong hạn: 21.401.613 đồng; lãi quá hạn: 10.700.806 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 24/03/2026 trở đi bà Hồng Thảo D còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V1.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn bà Hồng Thảo D trình bày: Bà thừa nhận trước đây bà có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V số tiền khoảng 45.000.000 đồng nhưng do không có khả năng đóng lãi nên Cán bộ Ngân hàng có gọi điện cho bà và thống nhất thoả thuận nhập lãi vào vốn và ký lại hợp đồng mới với số nợ gốc là 50.200.000 đồng vào 28/9/2023. Bà không nhớ hợp đồng số mấy nhưng có cán bộ trực tiếp đến hướng dẫn bà thực hiện thủ tục. Sau khi vay vốn thì bà không có khả năng nên chỉ đóng lãi được 01- 02 tháng, sau đó thì bà không có đóng lãi cho Ngân hàng TMCP V nữa. Cán bộ Ngân hàng TMCP V có liên hệ thì bà có trình bày hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nợ nên xin được trả vốn cho Ngân hàng TMCP V. Đến ngày 29 và 30/11/2024 bà có chuyển khoản trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 02 lần chuyển khoản là 5.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền tính đến hết ngày 23/3/2026 là 78.696.945 đồng, trong đó nợ gốc: 46.594.526 đồng, tiền lãi là 32.102.419 đồng. Bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà xin trả số tiền vốn 46.594.526 đồng, bà xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, khi nào có điều kiện bà sẽ trả nhiều hơn do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, bà xin Ngân hàng TMCP V cho bà phần tiền lãi vì bà không có khả năng trả nợ do còn thiếu nợ nhiều người.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc bà Hồng Thảo D có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 78.696.945 đồng, trong đó nợ gốc: 46.594.526 đồng, tiền lãi là 32.102.419 đồng. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, việc Ngân hàng TMCP V với bà D có ký kết hợp đồng vay với nhau là có thật, thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số LD2327100567 ngày 28/09/2023 và đã được bà D thừa nhận và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng V1. Bà D xin được trả vốn gốc nhưng không được Ngân hàng chấp nhận. Xét thấy việc ký kết hợp đồng là sự tự nguyện của các bên, Ngân hàng V1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho bà D nhưng bà D đã vi phạm nghĩa vụ đối với Ngân hàng V1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thoả thuận trong hợp đồng nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP V là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Hồng Thảo D về việc xin được trả dần là không có căn cứ chấp nhận. Vì phương thức trả tiền cụ thể của các bên thuộc giai đoạn thi hành bản án có hiệu lực pháp luật và thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V1, buộc bà D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V1 tính đến ngày 23/03/2026 là 78.696.945 đồng, trong đó nợ gốc: 46.594.526 đồng, nợ lãi 32.102.419 đồng (lãi trong hạn: 21.401.613 đồng; lãi quá hạn: 10.700.806 đồng) và nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng V1 kể từ ngày 24/3/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng Thảo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 78.696.945 đồng x 5% = 3.935.000 đồng (làm tròn). Ngân hàng V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Hồng Thảo D.

Buộc bà Hồng Thảo D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 78.696.945 (Bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 24/3/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng TMCP V cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bà Hồng Thảo D chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành

án theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng tín dụng số LD2327100567 ngày 28/09/2023.

2. Về án phí: Buộc bà Hồng Thảo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.935.000 (Ba triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, chưa nộp.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 4.173.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006513 ngày 16/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa